**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Sóc Trăng, ngày … tháng … năm … 2021*

**PHIẾU THÔNG TIN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH**

**SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | **Tên nhiệm vụ:** “Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm sinh học xử lý môi trường ao nuôi thủy sản tại tỉnh Sóc Trăng”. |
| 2 | **Cấp quản lý nhiệm vụ:** Tỉnh |
| 3 | **Mã số nhiệm vụ (nếu có):** |
| 4 | **Thuộc chương trình (nếu có):** |
| 5 | **Cơ quan chủ trì nhiệm vụ:** Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.  **Điện thoại:** 0299.3826435  **Địa chỉ:** Số 20A, đường An Dương Vương, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  **Họ và tên thủ trưởng tổ chức:** Ong Tài Thuận |
| 6 | **Cơ quan phối hợp nghiên cứu (nếu có):** |
| 7 | **Cơ quan cấp trên trực tiếp của CQ chủ trì:**Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng |
| 8 | **Bộ/ngành hoặc tỉnh/thành phố chủ quản:** |
| 9 | **Chủ nhiệm nhiệm vụ:**  Họ và tên: Lâm Ngọc Tú  Năm sinh: 1987; Nam/ Nữ: Nữ  Học hàm, học vị: Thạc sỹ  Chức vụ: Nhân viên  Điện thoại: 0774.849.988  Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.  Địa chỉ tổ chức: Số 20A, đường An Dương Vương, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  Địa chỉ nhà riêng: Số 76, đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. |
| 10 | **Đồng Chủ nhiệm:** |
| 11 | **Danh sách cá nhân tham gia nghiên cứu:**  1.ThS. Ong Tài Thuận  2. ThS. Lê Trung Tâm  3. TS. Nguyễn Anh Huy  4. KS. Vũ Quan  5. KS. Nguyễn Công Bằng  6. KS. Trương Minh Thư  7. TS. Nguyễn Thị Thuở  8.ThS. Trần Thị Thanh Lý  9. KS. Thực hành. Triệu Minh Trương  10. KS. Thực hành. Nguyễn Lê Hải Đăng |
| 12 | **Năm viết BC:**2021  **Nơi viết BC:**Sóc Trăng |
| 13 | **Số trang:** 75 trang + Phụ lục |
| 14 | **Mục tiêu của nhiệm vụ:**  **Mục tiêu chung:**  Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản, xử lý môi trường nước ao nuôi, giảm dịch bệnh, giá thành cạnh tranh; sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, phục vụ nuôi trồng thủy sản được xã hội chấp nhận.  **Mục tiêu cụ thể:**  Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất 02 dòng chế phẩm sinh học phục vụ xử lý môi trường ao nuôi thủy sản.  Sản xuất thử nghiệm 1.000 lít cho mỗi dòng sản phẩm trong đợt 1; 5.000 lít cho mỗi dòng sản phẩm ở đợt 2 và đợt 3, đảm bảo có chất lượng cao hơn và giá thành sản phẩm thấp hơn sản phẩm tương tự trên thị trường.  Thực hiện khảo nghiệm, đánh giá chất lượng, đăng ký giấy phép lưu hành và thương mại hóa sản phẩm.  Tổ chức 03 cuộc hội thảo giới thiệu về sản phẩm của dự án. |
| 15 | **Tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  Cải tạo 01 Nhà xưởng thành Xưởng sản xuất chế phẩm sinh học theo đúng với 04 phòng gồm Phòng chuẩn bị giống và môi trường, Phòng nhân sinh khối, Phòng sang chiết, đóng chai và Phòng thành phẩm, lưu mẫu.  Tiếp nhận 02 quy trình sản xuất chế phẩm sinh học: Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học Sta.EM-Pro do Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh chuyển giao và quy trình sản xuất chế phẩm sinh học Sta.EM-Detox do Viện Sinh học Nhiệt đới chuyển giao.  Tổ chức sản xuất thử nghiệm 03 đợt: Đợt 1 sản xuất thử nghiệm 1.000 lít cho mỗi dòng sản phẩm Sta.EM-Pro và Sta.EM-Detox; đợt 2 sản xuất thử nghiệm 5.000 lít cho mỗi dòng sản phẩm và đợt 3 sản xuất 1.000 lít cho mỗi dòng sản phẩm đã đảm bảo đủ số lượng cho việc khảo nghiệm thực tế ngoài ao nuôi tôm, quy trình sản xuất 02 chế phẩm sinh học đã được hoàn thiện, sản phẩm đã được Tổng cục Thủy sản cấp Mã số lưu hành sản phẩm (truy cập thông tin sản phẩm đã đăng ký lưu hành tại website: http://csdl.tongcucthuysan.gov.vn/cms.nc).  Khảo nghiệm đánh giá chất lượng và hiệu quả của sản phẩm ở quy mô wetlab và thực tế ngoài ao nuôi tôm: Quy mô wetlab được thực hiện tại Phòng Thí nghiệm của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II và quy mô thực tế ngoài ao nuôi tôm được thực hiện tại khu ao nuôi tôm của Hợp tác xã Thủy sản Hưng Phú (ấp An Nghiệp, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng).  Đăng ký lưu hành sản phẩm: Mã số lưu hành sản phẩm Sta.EM-Pro là 02-023008 và mã số lưu hành sản phẩm Sta.EM-Detox là 02-023768.  Tổ chức 03 Hội thảo giới thiệu sản phẩm của dự án với 126 đại biểu tham dự. |
| 16 | **Lĩnh vực nghiên cứu:** 20901 |
| 17 | **Từ khóa chủ đề: chế phẩm sinh học,** Sta.EM-Pro, Sta.EM-Detox,**…** |
| 18 | **Nơi lưu giữ báo cáo: VN-SKHCNSTG** |
| **THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU** | |
| 19 | - Tổng số kinh phí thực hiện (triệu đồng): 2.930,284.256, trong đó:  + Kinh phí hỗ trợ từ SNKH (triệu đồng): 2.691,555.656.  + Nguồn khác (triệu đồng):238,7286. |
| 20 | **Thời gian thực hiện:**  - Theo Hợp đồng đã ký kết: 26 tháng, từ tháng 5/2018 đến hết tháng 6/2020  - Thực tế thực hiện: từ tháng 5/2018 đến tháng 12/2020.  - Được gia hạn (nếu có): 06 tháng (từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2020). |
| 21 | **Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu số:**10/QĐ-SKHCN, ngày 29/01/2021 của Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng. |
| 22 | **Ngày họp hội đồng nghiệm thu chính thức: 05/02/2021** |
| 23 | **Các sản phẩm giao nộp:**  Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm Sta.EM-Pro.  Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm Sta.EM-Detox.  Quy trình sử dụng 02 chế phẩm sinh học Sta.EM-Pro và Sta.EM-Detox.  Hồ sơ đăng ký Giấy phép lưu hành chế phẩm Sta.EM-Pro và Sta.EM-Detox.  Kỷ yếu Hội thảo thông tin, giới thiệu chế phẩm Sta.EM-Pro và Sta.EM-Detox.  Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án.  Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án. |
| 24 | **Ngày nộp hồ sơ đăng ký KQNC: 07/7/2021** |
| 25 | **Ngày cấp đăng ký KQNC:**08/7/2021 |
| 26 | **Số Giấy chứng nhận đăng ký giao nộp kết quả KQNC: 05/KQNC-SKHCN** ngày 08/7/2021. |

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ**  **(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)** | **NGƯỜI GHI THÔNG TIN**  **(Ký và ghi rõ họ tên)** |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỘNG